

Số: 1099 /QĐ-UBND

Vĩnh Long, ngày 11 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Thông qua chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định nội dung hồ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 96/TTr-SNN&PTNT ngày 04/5/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thống nhất thông qua chính sách trong đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành Quy định nội dung hồ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, với các nội dung cụ thể sau:

I. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG VĂN BẢN

1. Mục đích

Xây dựng, ban hành Nghị quyết nhằm cụ thể hóa các quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP làm cơ sở pháp lý để các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai, thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia bảo đảm có sự thống nhất, đồng bộ hiệu quả.

2. Quan điểm xây dựng văn bản

Nội dung Nghị quyết được xây dựng bảo đảm tuân thủ theo đúng các quy định của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, các văn bản hướng dẫn thi hành, đúng thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, tuân thủ các quy định ban hành thủ tục hành chính theo hướng đơn giản hóa nội dung, quy trình thực hiện, nhưng phải đảm bảo đầy đủ, rõ ràng, minh bạch, khách quan.

II. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long theo Điều 21, Điều 22, Điều 23 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

III. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Chính sách 1: Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 (Điều 3)

- Mục tiêu của chính sách:

Quy định các nội dung hỗ trợ theo Điều 21 của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

- Nội dung của chính sách:

1. Nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị: Thực hiện theo khoản 2 Điều 11 Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 và Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; khoản 4 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Mẫu hồ sơ; trình tự, thủ tục thực hiện lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị: Thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP.

3. Thẩm quyền phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết: Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt dự án, kế hoạch có phạm vi triển khai trên địa bàn 02 (hai) huyện, thị xã, thành phố trở lên và các dự án, kế hoạch do các đơn vị cấp tỉnh được giao vốn để triển khai thực hiện; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố phê duyệt dự án, kế hoạch có phạm vi triển khai thuộc địa bàn quản lý.

- Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn

+ Quy định cụ thể các nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch *hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị* thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

+ Các quy định trên viện dẫn các quy định đã được ban hành, đang có hiệu lực thực hiện.

2. Chính sách 2: Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 (Điều 4)

- Mục tiêu của chính sách:

Quy định các nội dung hỗ trợ theo Điều 21, Điều 22 và Điều 23 của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh.

- Nội dung của chính sách:

1. Nội dung hỗ trợ:

a) Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị: Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

b) Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng: Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH; khoản 4 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

c) Hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ: Thực hiện theo khoản 3 Điều 8 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH.

2. Mẫu hồ sơ; trình tự, thủ tục thực hiện lựa chọn dự án, phương án sản xuất:

a) Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 09/2022/TT- BLĐTBXH.

b) Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH.

c) Hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH; việc chọn lựa phương thức đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

3. Thẩm quyền phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt dự án, kế hoạch có phạm vi triển khai trên địa bàn 02 (hai) huyện, thị xã, thành phố trở lên và các dự án, kế hoạch do các đơn vị cấp tỉnh được giao vốn để triển khai thực hiện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố phê duyệt dự án, kế hoạch có phạm vi triển khai thuộc địa bàn quản lý.

- Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn

+ Quy định cụ thể các nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch *hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng, hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ* thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh.

+ Các quy định trên viện dẫn các quy định đã được ban hành, đang có hiệu lực thực hiện.

3. Chính sách 3: Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (Điều 5)

- *Mục tiêu của chính sách:*

Quy định các nội dung hỗ trợ theo Điều 21, Điều 22 của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh.

- *Nội dung của chính sách:*

1. Nội dung hỗ trợ:

a) Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; khoản 4 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

b) Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Thông tư số 15/2022/TT-BTC; khoản 4 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

2. Mẫu hồ sơ; trình tự, thủ tục thực hiện lựa chọn dự án, phương án sản xuất:

a) Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị: Thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP; khoản 3 Điều 21 Nghị định 27/2022/NĐ-CP.

b) Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH; khoản 3 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

3. Thẩm quyền phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết: Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt dự án, kế hoạch có phạm vi triển khai trên địa bàn 02 (hai) huyện, thị xã, thành phố trở lên và các dự án, kế hoạch do các đơn vị cấp tỉnh được giao vốn để triển khai thực hiện; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố phê duyệt dự án, kế hoạch có phạm vi triển khai thuộc địa bàn quản lý.

- *Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn*

+ Quy định cụ thể các nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch *hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế* thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh.

+ Các quy định trên viện dẫn các quy định đã được ban hành, đang có hiệu lực thực hiện.

IV. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

1. Nguồn lực về tổ chức, con người

- Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước đối với các chính sách hỗ

trợ trên địa bàn toàn tỉnh;

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân tỉnh giao chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng kế hoạch, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ;

- Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức lập kế hoạch hỗ trợ, thực hiện chính sách hỗ trợ thuộc địa bàn quản lý theo phân cấp.

2. Nguồn lực về tài chính

- Nguồn vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia phân bổ theo quy định.

- Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật và nguồn tài trợ, hỗ trợ khác của các tổ chức, cá nhân (nếu có).

V. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT

Thời gian dự kiến trình Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết tại kỳ họp thứ 6 Hội đồng nhân dân tỉnh khoá X.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc và các cơ quan, đơn vị có liên quan hoàn tất hồ sơ, thủ tục cần thiết để trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Trưởng Ban Dân tộc và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- TT.HĐND tỉnh;
- TT.UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP. UBND tỉnh;
- Phòng KT-NV;
- Lưu: VT.4.01.05.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Liệt